

Số: **10** /2018/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày **08** tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội Vụ Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác;

Xét Tờ trình số 110 /TTr-KTNS ngày 14/11/2018 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai thực hiện nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./. *Tho*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIII;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. *Tho*

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa

QUY ĐỊNH

Mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND), Thường trực HĐND, các Ban HĐND; các Tổ đại biểu HĐND, các đại biểu HĐND, các tổ chức, cá nhân giúp việc, phục vụ, tham gia các hoạt động của HĐND và cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp các hoạt động của HĐND các cấp.

II. Định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
I	Chi hỗ trợ phục vụ các kỳ họp của Hội đồng nhân dân				
1	Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu trong kỳ họp cho đại biểu HĐND	Người/ngày	200	150	100
2	Chi hỗ trợ cho đại biểu mời theo giấy mời của Thường trực HĐND	Người/ngày	150	100	70
3	Chi hỗ trợ cán bộ VP HĐND tỉnh giúp việc và phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh	Người/ngày	150		
4	Chi hỗ trợ các cán bộ khác tham gia giúp việc, phục vụ kỳ họp	Người/ngày	100	70	50
5	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu và bộ phận giúp việc, phục vụ trong những ngày diễn ra kỳ họp	Người/ngày	200	180	150
6	Tiền thuê phòng ngủ		Thực hiện theo quy định của Nhà nước		
7	Chi bồi dưỡng cho Chủ tịch và các Phó Chủ tịch HĐND (Chủ tọa kỳ họp)	Người/buổi	400	300	200
8	Chi tiền bồi dưỡng thư ký phục vụ kỳ họp, thư ký thảo luận Tổ	Người/buổi	150	100	70

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
9	Chi thảo luận Tổ.				
9.1	Tổ trưởng tổ thảo luận	Người/buổi	200	150	
9.2	Tổ phó tổ thảo luận	Người/buổi	150	100	
9.3	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tổ trình tại kỳ họp	Báo cáo	650	400	
10	Chi hỗ trợ xây dựng Tờ trình, Báo cáo của Thường trực HĐND, các Ban HĐND trình tại kỳ họp	Văn bản	650	400	250
11	Chi hỗ trợ việc rà soát kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết đã được HĐND các cấp thông qua để ký ban hành	01 Nghị quyết	650	400	250
II	Chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND				
1	Chi hỗ trợ xây dựng Nghị quyết, quyết định	Văn bản	300	200	100
2	Chi hỗ trợ xây dựng kế hoạch	Văn bản	500	300	200
3	Chi hỗ trợ xây dựng đề cương, báo cáo	Văn bản	500	300	200
4	Chi hỗ trợ các thành viên trong đoàn				
4.1	Trưởng Đoàn, phó trưởng Đoàn	Người/buổi	200	150	120
4.2	Đại biểu HĐND	Người/buổi	150	120	100
4.3	Thành viên đoàn	Người/buổi	120	100	80
4.4	Cán bộ phục vụ	Người/buổi	100	80	50
5	Chi xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát, khảo sát	Văn bản	1000	600	400
III	Chi hỗ trợ công tác thẩm tra tại kỳ họp và văn bản thẩm tra giữa hai kỳ họp				
1	Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu phục vụ thẩm tra của Thường trực HĐND, thành viên các Ban HĐND, Chánh Văn phòng HĐND tỉnh (không quá 03 ngày)/01 kỳ họp	Ngày/người	200	150	100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
2	Chi hỗ trợ các thành viên dự Hội nghị thẩm tra của HĐND (nếu họp trong các ngày nghỉ thì mức bồi dưỡng tăng gấp 02 lần so với ngày làm việc)				
2.1	Chủ trì Hội nghị	Người/buổi	200	150	120
2.2	Đại biểu HĐND	Người/buổi	150	120	100
2.3	Đại biểu dự Hội nghị	Người/buổi	120	100	80
2.4	Cán bộ phục vụ	Người/buổi	100	80	60
3	Chi xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban trình tại kỳ họp và văn bản thẩm tra giữa hai kỳ họp	01 nội dung phân công	650	400	250
IV	Chi hỗ trợ phục vụ các phiên họp và các hoạt động khác của: Đảng Đoàn HĐND tỉnh; Thường trực HĐND, các Ban của HĐND				
1	Chi hỗ trợ các thành viên dự họp:				
1.1	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	200	150	
1.2	Các đại biểu dự họp	Người/buổi	150	100	
1.3	Cán bộ phục vụ	Người/buổi	100	60	
2	Chi hỗ trợ xây dựng Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết, Quyết định và Kế hoạch của Đảng Đoàn HĐND tỉnh	Văn bản	300		
3	Chi hỗ trợ xây dựng Báo cáo, Tờ trình, Quyết định và Kế hoạch của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	Văn bản	300	200	100
4	Chi hỗ trợ xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Thường trực HĐND	Nghị quyết	500	300	
V	Chi hỗ trợ hoạt động tiếp xúc cử tri				
1	Chi hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri	Điểm	1500	1000	700
2	Chi tiền hỗ trợ thành phần tham gia tiếp xúc cử tri				
2.1	Đại biểu HĐND	Người/buổi	200	150	100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
2.2	Đại biểu mời, thư ký Hội nghị	Người/buổi	150	100	70
2.3	Cán bộ giúp việc, phục vụ	Người/buổi	100	70	50
3	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình tại kỳ họp	Báo cáo	650	400	250
VI	Chi hỗ trợ hoạt động của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ như: Giám sát, khảo sát, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp Hội đồng nhân dân, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri, sơ kết, tổng kết hoạt động và các hoạt động khác theo quy định				
1	Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có từ 5 đại biểu trở xuống	Tổ/năm	7500	5000	
2	Các Tổ đại biểu HĐND có trên 5 đại biểu	Tổ/năm	Cứ 01 đại biểu tăng thêm được tính hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động bằng 1,5triệu đồng/ng/năm.	Cứ 01 đại biểu tăng thêm được tính hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động bằng 1triệu đồng/ng/năm.	
VII	Chi hỗ trợ cho xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến của Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh vào các dự án Luật, Pháp lệnh mới và sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương và đề nghị của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh	Văn bản	1000		
VIII	Chi hỗ trợ tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân và giải quyết đơn thư				
1	Chi hỗ trợ tiếp công dân				
1.1	Đại biểu HĐND	Người/buổi	200	150	100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
1.2	Các đối tượng khác	Thực hiện theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh			
2	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo đề xuất, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo trình cấp có thẩm quyền (báo cáo này phải có điều tra nghiên cứu được Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua)	Báo cáo	650	400	250
IX	Các khoản chi hỗ trợ thăm hỏi ốm đau, tang lễ				
1	Đối với Đại biểu HĐND đương nhiệm				
1.1	<i>Trường hợp ốm đau, phải điều trị tại bệnh viện</i>	Người/lần	1000	600	400
1.2	<i>Đại biểu đương nhiệm bị bệnh hiểm nghèo 01 lần/người/năm; trường hợp đặc biệt khó khăn thì được trợ cấp không quá 02 lần/người/năm</i>	Người/lần	5000	3500	2500
1.3	<i>Trường hợp từ trần (lễ phúng viếng)</i>	Người/lần	2500	1800	1200
2	Đối với thân nhân là bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng, con của đại biểu HĐND đương nhiệm khi qua đời	Người/lần	1500	800	500
3	Đối với Đại biểu nguyên là Lãnh đạo HĐND, Lãnh đạo chuyên trách các Ban				
3.1	<i>Trường hợp ốm đau, phải điều trị tại bệnh viện</i>	Người/lần	1000	600	400
3.2	<i>Trường hợp từ trần (lễ phúng viếng)</i>		2500	1800	1200
X	Chi cho công tác xã hội (Người có công; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và lao động sản xuất, gia đình cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách XH như: các đơn vị bộ đội, công an, hộ nghèo, trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật, trường dân tộc nội trú)				
1	Mức giá trị quà tặng đối với tập thể	Đơn vị/lần	4000	2500	1500
2	Mức giá trị quà tặng đối với cá nhân	Người/lần	800	500	300

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			HĐND tỉnh	HĐND cấp huyện	HĐND cấp xã
XI	Chế độ báo chí: Mỗi đại biểu HĐND được cấp Báo Đại biểu Nhân dân	Số/ ngày	01	01	01
XII	Chi hỗ trợ may trang phục				
1	Mỗi Đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền may 02 bộ trang phục/nhiệm kỳ	01 Bộ	4500	3500	2500
2	Chi hỗ trợ CBCC VP HĐND tỉnh; cán bộ trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND cấp huyện, cấp xã để may 01 bộ trang phục/01 nhiệm kỳ	01 Bộ	4500	3500	2500

III. Chi phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ cho Đại biểu HĐND kiêm nhiệm chức danh của HĐND các cấp

1. Phụ cấp kiêm nhiệm

Đại biểu HĐND đang giữ chức vụ ở các cơ quan, đơn vị khác nếu kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, đứng đầu các cơ quan thuộc HĐND như: Chủ tịch HĐND các cấp, Trưởng ban của HĐND tỉnh thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng theo quy định tại Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ.

Mức tiền phụ cấp kiêm nhiệm cho các chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác = Hệ số lương chức vụ hoặc hệ số lương chuyên môn, nghiệp vụ cộng với hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo và % (quy theo hệ số) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng của người giữ chức danh lãnh đạo kiêm nhiệm x Mức lương cơ sở x 10%

2. Mức hỗ trợ kiêm nhiệm: Đại biểu HĐND đang giữ chức vụ ở các cơ quan, đơn vị kiêm nhiệm các chức danh của HĐND các cấp được hỗ trợ kiêm nhiệm hàng tháng, tính theo hệ số lương cơ sở như sau:

- a) Trưởng ban kiêm nhiệm của HĐND cấp huyện bằng: 0,4 mức lương cơ sở.
- b) Tổ Trưởng tổ đại biểu HĐND tỉnh bằng: 0,2 mức lương cơ sở.
- c) Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND cấp huyện bằng: 0,1 mức lương cơ sở.

d) Tổ Phó tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện được hỗ trợ kiêm nhiệm hàng tháng bằng 60% so với mức hỗ trợ kiêm nhiệm của Tổ Trưởng tổ đại biểu HĐND cùng cấp.

e) Trưởng Ban kiêm nhiệm HĐND cấp xã bằng: 0,1 mức lương cơ sở; Phó trưởng Ban kiêm nhiệm HĐND cấp xã bằng 60% phụ cấp Trưởng Ban cấp xã.

3. Trách nhiệm chi trả phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ trách nhiệm

a) Các cơ quan, đơn vị có cán bộ lãnh đạo kiêm nhiệm các chức danh Trưởng ban, phó Trưởng Ban, Tổ trưởng, Tổ phó của HĐND các cấp, có trách nhiệm chi trả tiền phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ kiêm nhiệm cùng với tiền lương hàng tháng từ nguồn kinh phí ngân sách thường xuyên của cơ quan, đơn vị đó và khoản chi này không được dùng để tính nộp BHXH, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

b) Đại biểu HĐND giữ nhiều chức vụ của HĐND thì được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm cao nhất.

IV. Một số nội dung chi khác

1. Các khoản chi tiêu phục vụ hoạt động của HĐND các cấp không có trong quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đối với đại biểu HĐND, đại biểu mời và cán bộ công chức phục vụ tham gia các hoạt động của HĐND đã được hưởng tiền hỗ trợ và tiền ăn thì sẽ không được hưởng phụ cấp lưu trú.

3. Đối với kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ của HĐND, hội nghị tổng kết nhiệm kỳ các Ban của HĐND các cấp và các hoạt động đặc thù khác, giao cho Thường trực HĐND quyết định mức chi cụ thể.

4. Đối với hoạt động trao đổi công tác và học tập kinh nghiệm hoạt động của HĐND, của Thường trực HĐND, các Ban HĐND mức chi theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ đi công tác.

5. Đại biểu HĐND ở cấp nào thì được hưởng hoạt động phí ở cấp đó; hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung chi: Trang phục, khám sức khỏe định kỳ và chỉ được cấp 01 số Báo Đại biểu Nhân dân/ngày.

6. Các khoản chi phục vụ cho hoạt động của HĐND được thanh toán theo số ngày thực tế. Riêng chi hỗ trợ tiếp công dân chỉ được thanh toán nếu có tổ chức hoạt động này.

V. Công tác lập dự toán, quản lý, thanh quyết toán

1. Kinh phí phục vụ hoạt động HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải có trong dự toán ngân sách đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc sử dụng phải đúng chế độ; hiệu quả, thực hiện tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Nguồn kinh phí cho hoạt động của HĐND

a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo các khoản chi: Chi phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ Đại biểu HĐND kiêm nhiệm chức danh của HĐND các cấp; Chi may trang phục trong một nhiệm kỳ; Chi chế độ báo chí.

b) Các khoản chi còn lại phục vụ cho hoạt động của HĐND cấp nào được ngân sách cấp đó đảm bảo và cân đối vào dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của HĐND cùng cấp.

3. Hàng năm, Thường trực HĐND các cấp chỉ đạo cơ quan Văn phòng phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí hoạt động của HĐND cấp mình, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để trình HĐND cùng cấp quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa, Thường trực HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định mức chi cho phù hợp nhưng không vượt quá mức chi tại Quy định này.

VI. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào các chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước và quy định về chế độ chi tiêu tài chính nêu trên. Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm triển khai thực hiện. / *Tho*

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa